TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 160/2023/DS-ST
Ngày: 06-10-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Thành Đồng.

2. Ông Đỗ Thanh Tuyến

- **Thư ký phiên tòa**: ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2023/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số: 231/2023/QĐST - DS ngày 19 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1992; địa chỉ: số 82/20A, Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận B, Tp. H. Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Văn L, sinh năm 1999, ông Ngô Minh N sinh năm 1999 (vắng mặt); cùng địa chỉ: số 163/1D, đường Trương Vĩnh Ký, ấp An Thuận A, xã M, thành phố B, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn L: bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998; địa chỉ: số 303C, Đồng Văn Cống, phường 7, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Thanh D – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt);

2. *Bị đơn*: ông Nguyễn Minh PH sinh năm 1977 (có mặt), bà Phan Thanh Tinh năm 1984 (có mặt); cùng địa chỉ: số 69, ấp L (9), xã P, huyện G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 21/3/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Phú Q và người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Văn L (người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thu H) trình bày:

Trong năm 2022, ông Q nhiều lần cho ông PH vay tiền. Do là anh em ruột nên hợp đồng vay giữa hai bên chỉ giao kết bằng lời nói, không lãi suất, không kỳ hạn, mục đích vay là để sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình. Hai bên giao nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản. Tổng cộng số tiền cho vay là 490.200.000 đồng.

Sau đó, hai bên có thỏa thuận bằng lời nói sau một tháng kể từ ngày 15/6/2022 ông PH và bà T phải trả lại tiền cho ông Q.

Mỗi lần chuyển khoản tiền, tại cột Details (Diễn giải) trong các Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, ông Q đều ghi nội dung ("Po ck a2", "Po ck tien nhap hang", …) theo mục đích đi vay của ông PH.

Do ông PH vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Q yêu cầu ông PH và vợ là bà T liên đới trả số tiền vốn là 490.200.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 16/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 0,83%/tháng, tạm tính đến ngày 31/8/2023 là 55.122.000 đồng (490.200.000 đồng x 0,83%/tháng x 13 tháng 15 ngày).

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Minh PH trình bày:

Ông và bà T là vợ chồng, kết hôn vào khoảng năm 2001, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường 26, quận B, thành phố H và chung sống từ đó cho đến nay.

Ông thừa nhận từ tháng 4/2022, có nhận từ ông Q số tiền mà ông Q hiện khởi kiện. Tuy nhiên, đây là tiền ông Q nhờ ông mở một cửa hàng nội thất tại thành phố B, tỉnh B. Sau khi nhận tiền, ông cũng đã giúp ông Q tìm mặt bằng, mua hàng nội thất, xây dựng một cửa hàng nội thất Minh Q tại ấp 2, xã Phú Nhuận, thành phố B, tỉnh B. Khi tìm được mặt bằng, ông Q là người trực tiếp ký hợp đồng thuê với chủ đất. Trong thời gian giúp ông Q, ông Q có chuyển khoản, giao tiền mặt cho ông tổng số tiền khoảng 580.000.000 đồng để ông thanh toán các khoản chi phí. Tuy nhiên do chi phí mở cửa hàng quá lớn nên ngoài số tiền trên, ông còn phải cho ông Q mượn thêm số tiền khoảng 700.000.000 đồng, theo hình thức vay không lãi, không kỳ hạn và giao kết bằng lời nói.

Đến tháng 6/2022, ông Q khai trương cửa hàng. Nhưng đến khoảng tháng 8/2022, ông Q thanh lý, sang bán cửa hàng, bỏ trốn và không trả lại cho ông số tiền đã vay. Từ tháng 8/2022, ông cũng đã nhiều lần tìm gặp để đòi lại số tiền cho vay nhưng ông Q né tránh và thách thức ông khởi kiện. Do không rõ địa chỉ của ông Q nên ông chưa thể khởi kiện, nhưng có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân quận P, Tp H để yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân quận P, Tp H không giải quyết do ông Q đã bỏ đi và ông cũng không cung cấp được địa chỉ của ông Q.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q, ông không đồng ý. Ông không yêu cầu phản tố đối với ông Q về giao dịch dân sự liên quan đến việc ông nhận từ ông Q số tiền 490.200.000 đồng, cũng như không yêu cầu phản tố đối với số tiền 700.000.000 đồng mà ông cho ông Q vay.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Phan Thanh T trình bày: Thống nhất với trình bày của ông PH, không bổ sung.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ông PH và bà T liên đới trả cho ông Q tổng số tiền vay là 490.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Các khoản vay nguyên đơn yêu cầu gồm:

+ Ngày 12/4/2022 cho vay 20.000.000 đồng;

+ Ngày 15/4/2022 cho vay 30.000.000 đồng;

+ Ngày 04/5/2022 cho vay 700.000 đồng;

+ Ngày 09/5/2022 cho vay 100.000.000 đồng;

+ Ngày 18/5/2022 cho vay 30.000.000 đồng;

+ Ngày 19/5/2022 cho vay 02 lần với tổng số tiền là 30.500.000 đồng; trong đó: lần 1 là 500.000 đồng; lần 2 là 30.000.000 đồng;

+ Ngày 20/5/2022 cho vay 5.000.000 đồng;

+ Ngày 04/6/2022 cho vay 700.000 đồng;

+ Ngày 06/6/2022 cho vay 100.000.000 đồng;

+ Ngày 07/6/2022 cho vay 54.000.000 đồng;

+ Ngày 11/6/2022 cho vay 02 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng; trong đó: lần 1 là 10.000.000 đồng; lần 2 là 20.000.000 đồng;

+ Ngày 13/6/2022 cho vay 25.000.000 đồng;

+ Ngày 14/6/2022 cho vay 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng; trong đó: lần 1 là 5.000.000 đồng; lần 2 là 5.000.000 đồng;

+ Ngày 15/6/2022 cho vay 5.000.000 đồng.

- Riêng khoản vay 50.000.000 đồng ngày 04/5/2022, khoản vay 30.000.000 đồng ngày 16/6/2022 theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022, nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh PH và bà Phan Thanh T giữ nguyên trình bày, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q trình bày: nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đối với yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 490.200.000 đồng, chứng cứ chứng minh là sự thừa nhận có nhận tiền từ nguyên đơn bằng hình thức chuyển khoản nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Về tiền lãi, mặc dù khi vay hai bên không thỏa thuận nhưng nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi từ thời điểm khởi kiện. Tuy nhiên vì thể hiện thiện chí nên nguyên đơn không yêu cầu. Trình bày của bị đơn là không có cơ sở do không có chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: thụ lý vụ án đúng và đầy đủ các quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; trình tự thụ lý, việc giao nhận Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng và đầy đủ các quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng và đầy đủ các quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; xác minh, thu thập chứng cứ và đầy đủ các quy định tại Điều 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan… Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ các điều 463, 466 Bộ Luật Dân sự năm 2015, Điều 217 Bộ Luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú Q. Buộc ông Nguyễn Minh PH và bà Phan Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Phú Q số tiền vay 490.200.000 đồng.

+ Về lãi suất: ghi nhận ông Q không yêu cầu tính lãi.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh PH và bà Phan Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Phú Q tiền vay ngày 04/5/2022 số tiền 50.000.000 đồng và ngày 16/6/2022 số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng 80.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn ông Nguyễn Phú Q yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh PH và bà Phan Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền vay nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: tại phiên tòa, người đại diện cho phía nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Minh PH và bà Phan Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả lại ông Nguyễn Phú Q số tiền vay 490.200.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Nguyên đơn ông Q cho rằng trong năm 2022 ông cho ông PH vay nhiều lần với tổng số tiền là 490.200.000 đồng. Ông Q cung cấp chứng cứ là các Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ chứng minh ông có chuyển khoản số tiền trên cho ông PH.

[2] Bị đơn ông PH, bà T không thừa nhận có vay tiền của ông Q. Ông PH cho rằng mặc dù ông có nhận từ ông Q số tiền trên bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng nhưng đây là tiền ông Q đưa để nhờ ông mở một cửa hàng nội thất tại thành phố B, tỉnh B. Sau khi nhận tiền, ông cũng đã giúp ông Q tìm mặt bằng, mua hàng nội thất và xây dựng một cửa hàng nội thất Minh Q tại ấp 2, xã Phú Nhuận, thành phố B, tỉnh B. Tổng số tiền ông nhận từ ông Q là khoảng 580.000.000 đồng. Ngoài ra, ông còn cho ông Q vay số tiền khoảng 700.000.000 đồng theo hình thức vay không lãi, không kỳ hạn và giao kết bằng lời nói. Đến khoảng tháng 8/2022, ông Q thanh lý, sang bán cửa hàng, bỏ trốn, và không trả lại cho ông số tiền vay trên nên hai bên phát sinh tranh chấp.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh không có cơ sở xác định trình bày của ông PH, bà T là có căn cứ. Ông PH, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Trong khi đó, ông PH thừa nhận có nhận từ ông Q số tiền 490.200.000 đồng trong năm 2022. Từ đó xét thấy trình bày của ông Q về việc hai bên có giao kết với nhau các hợp đồng vay tiền và ông PH có nợ tiền vay của ông là có căn cứ.

[4] Đối với bà T, do các khoản vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông PH. Tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định"…*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: .. 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;*". Và tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này*". Do đó bà T phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông PH trả nợ cho ông Q.

[5] Về lãi suất: tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Đối với trình bày của ông PH về việc hai bên có giao kết một giao dịch khác (thi công xây dựng cửa hàng, mua bán hàng nội thất …) và số tiền cho ông Q vay là

700.000.000 đồng, do trong quá trình tố tụng, ông PH không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông PH có quyền khởi kiện sau bằng một vụ án khác.

[7] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Riêng số tiền 30.000.000 đồng ngày 16/6/2022 và số tiền 50.000.000 đồng ngày 04/5/2022, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự nên được chấp nhận.

[9] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: do yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận nên ông PH, bà T phải liên đới nộp theo quy định theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú Q. Buộc ông Nguyễn Minh PH và bà Phan Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phú Q số tiền là 490.200.000đ (bốn trăm chín mươi triệu hai trăm nghìn đồng). Ghi nhận ông Q không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh PH và bà Phan Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phú Q số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) ngày 16/6/2022 và số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vào ngày 04/5/2022, tổng cộng 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Minh PH và bà Phan Thanh T có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí (20.000.000 đồng + 4% x 90.200.000 đồng) là 23.608.000đ (hai mươi ba triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Phú Q tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.577.000đ (mười ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền số 0011154 (ngày 30/11/2022), 0003319 (ngày 11/4/2023) của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên